**BỒI DƯỠNG THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH**

**NGHỀ NGHIỆP GIÁO VIÊN THCS HẠNG II**

**----------------------------------------**

**ĐỀ CƯƠNG BÀI GIẢNG**

***Chuyên đề 6***

**PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC NGHỀ NGHỆP**

**GIÁO VIÊN THCS HẠNG II**

***ThS. BÙI HỒNG ĐOÀN***

**MỤC TIÊU**

- Trình bày được những vấn đề cốt lõi của giáo viên thế kỉ XXI.

- Phân tích được những vấn đề cốt lõi của giáo viên THCS.

- Tìm hiểu được thực trạng năng lực, đạo đức nghề nghiệp, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp của giáo viên THCS thế kỉ XXI.

- Xây dựng được hệ thống biện pháp phát triển năng lực nghề nghiệp cho đội ngũ giáo viên cốt cán ở trường THCS.

- Nghiêm túc, trung thực trong đánh giá thực trạng năng lực, đạo đức nghề nghiệp của giáo viên THCS.

- Chủ động, tích cực xây dựng biện pháp phát triển năng lực cho đội ngũ giáo viên cốt cán ở trường THCS.

**NỘI DUNG**

**1. Yêu cầu năng lực giáo viên THCS ở thế kỉ XXI**

***1.1. Những vấn đề cốt lõi về năng lực của giáo viên THCS thế kỉ XXI***

*1.1.1 Vấn đề nhận thức, trách nhiệm trước yêu cầu đổi mới giáo dục*

a. Nhận thức về vai trò của người giáo viên trước những yêu cầu đổi mới giáo dục

*Quan điểm cốt lõi về đổi mới giáo dục phổ thông được xác định trong nghị quyết số 29 – NQ/TW ngày 04/11/2013 Hội nghị Trung ương 8 khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo.*

*- Tình hình và nguyên nhân*

- Thực hiện Nghị quyết Trung ương 2 khóa VIII và các chủ trương của Đảng, Nhà nước về định hướng chiến lược phát triển giáo dục-đào tạo trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa, lĩnh vực giáo dục và đào tạo nước ta đã đạt được những thành tựu quan trọng, góp phần to lớn vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Cụ thể là: Đã xây dựng được hệ thống giáo dục và đào tạo tương đối hoàn chỉnh từ mầm non đến đại học. Cơ sở vật chất, thiết bị giáo dục, đào tạo được cải thiện rõ rệt và từng bước hiện đại hóa. Số lượng học sinh, sinh viên tăng nhanh, nhất là ở giáo dục đại học và giáo dục nghề nghiệp. Chất lượng giáo dục và đào tạo có tiến bộ. Đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục phát triển cả về số lượng và chất lượng, với cơ cấu ngày càng hợp lý. Chi ngân sách cho giáo dục và đào tạo đạt mức 20% tổng chi ngân sách nhà nước. Xã hội hóa giáo dục được đẩy mạnh; hệ thống giáo dục và đào tạo ngoài công lập góp phần đáng kể vào phát triển giáo dục và đào tạo chung của toàn xã hội. Công tác quản lý giáo dục và đào tạo có bước chuyển biến nhất định.

Cả nước đã hoàn thành mục tiêu xóa mù chữ và phổ cập giáo dục tiểu học vào năm 2000; phổ cập giáo dục trung học cơ sở vào năm 2010; đang tiến tới phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi; củng cố và nâng cao kết quả xóa mù chữ cho người lớn. Cơ hội tiếp cận giáo dục có nhiều tiến bộ, nhất là đối với đồng bào dân tộc thiểu số và các đối tượng chính sách; cơ bản bảo đảm bình đẳng giới trong giáo dục và đào tạo.

Những thành tựu và kết quả nói trên, trước hết bắt nguồn từ truyền thống hiếu học của dân tộc; sự quan tâm, chăm lo của Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân, của mỗi gia đình và toàn xã hội; sự tận tụy của đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục; sự ổn định về chính trị cùng với những thành tựu phát triển kinh tế-xã hội của đất nước.

- Tuy nhiên, chất lượng, hiệu quả giáo dục và đào tạo còn thấp so với yêu cầu, nhất là giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp. Hệ thống giáo dục và đào tạo thiếu liên thông giữa các trình độ và giữa các phương thức giáo dục, đào tạo; còn nặng lý thuyết, nhẹ thực hành. Đào tạo thiếu gắn kết với nghiên cứu khoa học, sản xuất, kinh doanh và nhu cầu của thị trường lao động; chưa chú trọng đúng mức việc giáo dục đạo đức, lối sống và kỹ năng làm việc. Phương pháp giáo dục, việc thi, kiểm tra và đánh giá kết quả còn lạc hậu, thiếu thực chất.

Quản lý giáo dục và đào tạo còn nhiều yếu kém. Đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục bất cập về chất lượng, số lượng và cơ cấu; một bộ phận chưa theo kịp yêu cầu đổi mới và phát triển giáo dục, thiếu tâm huyết, thậm chí vi phạm đạo đức nghề nghiệp.

Đầu tư cho giáo dục và đào tạo chưa hiệu quả. Chính sách, cơ chế tài chính cho giáo dục và đào tạo chưa phù hợp. Cơ sở vật chất kỹ thuật còn thiếu và lạc hậu, nhất là ở vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn.

*- Quan điểm chỉ đạo*

+ Giáo dục và đào tạo là quốc sách hàng đầu, là sự nghiệp của Đảng, Nhà nước và của toàn dân. Đầu tư cho giáo dục là đầu tư phát triển, được ưu tiên đi trước trong các chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội.

+ Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo là đổi mới những vấn đề lớn, cốt lõi, cấp thiết, từ quan điểm, tư tưởng chỉ đạo đến mục tiêu, nội dung, phương pháp, cơ chế, chính sách, điều kiện bảo đảm thực hiện; đổi mới từ sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý của Nhà nước đến hoạt động quản trị của các cơ sở giáo dục-đào tạo và việc tham gia của gia đình, cộng đồng, xã hội và bản thân người học; đổi mới ở tất cả các bậc học, ngành học.

Trong quá trình đổi mới, cần kế thừa, phát huy những thành tựu, phát triển những nhân tố mới, tiếp thu có chọn lọc những kinh nghiệm của thế giới; kiên quyết chấn chỉnh những nhận thức, việc làm lệch lạc. Đổi mới phải bảo đảm tính hệ thống, tầm nhìn dài hạn, phù hợp với từng loại đối tượng và cấp học; các giải pháp phải đồng bộ, khả thi, có trọng tâm, trọng điểm, lộ trình, bước đi phù hợp.

+ Phát triển giáo dục và đào tạo là nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài. Chuyển mạnh quá trình giáo dục từ chủ yếu trang bị kiến thức sang phát triển toàn diện năng lực và phẩm chất người học. Học đi đôi với hành; lý luận gắn với thực tiễn; giáo dục nhà trường kết hợp với giáo dục gia đình và giáo dục xã hội.

+ Phát triển giáo dục và đào tạo phải gắn với nhu cầu phát triển kinh tế-xã hội và bảo vệ Tổ quốc; với tiến bộ khoa học và công nghệ; phù hợp quy luật khách quan. Chuyển phát triển giáo dục và đào tạo từ chủ yếu theo số lượng sang chú trọng chất lượng và hiệu quả, đồng thời đáp ứng yêu cầu số lượng.

+ giữa các phương thức giáo dục, đào tạo. Chuẩn hóa, hiện đại hóa giáo dục và đào tạo.

+ Chủ động phát huy mặt tích cực, hạn chế mặt tiêu cực của cơ chế thị trường, bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa trong phát triển giáo dục và đào tạo. Phát triển hài hòa, hỗ trợ giữa giáo dục công lập và ngoài công lập, giữa các vùng, miền. Ưu tiên đầu tư phát triển giáo dục và đào tạo đối với các vùng đặc biệt khó khăn, vùng dân tộc thiểu số, biên giới, hải đảo, vùng sâu, vùng xa và các đối tượng chính sách. Thực hiện dân chủ hóa, xã hội hóa giáo dục và đào tạo.

+ Chủ động, tích cực hội nhập quốc tế để phát triển giáo dục và đào tạo, đồng thời giáo dục và đào tạo phải đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế để phát triển đất nước.

- Mục tiêu tổng quát

Tạo chuyển biến căn bản, mạnh mẽ về chất lượng, hiệu quả giáo dục, đào tạo; đáp ứng ngày càng tốt hơn công cuộc xây dựng, bảo vệ Tổ quốc và nhu cầu học tập của nhân dân. Giáo dục con người Việt Nam phát triển toàn diện và phát huy tốt nhất tiềm năng, khả năng sáng tạo của mỗi cá nhân; yêu gia đình, yêu Tổ quốc, yêu đồng bào; sống tốt và làm việc hiệu quả.

Xây dựng nền giáo dục mở, thực học, thực nghiệp, dạy tốt, học tốt, quản lý tốt; có cơ cấu và phương thức giáo dục hợp lý, gắn với xây dựng xã hội học tập; bảo đảm các điều kiện nâng cao chất lượng; chuẩn hóa, hiện đại hóa, dân chủ hóa, xã hội hóa và hội nhập quốc tế hệ thống giáo dục và đào tạo; giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa và bản sắc dân tộc. Phấn đấu đến năm 2030, nền giáo dục Việt Nam đạt trình độ tiên tiến trong khu vực.

*- Giải pháp đối với giáo dục phổ thông và đội ngũ giáo viên*

+ Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý của Nhà nước đối với đổi mới giáo dục và đào tạo

Quán triệt sâu sắc và cụ thể hóa các quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp đổi mới căn bản, toàn diện nền giáo dục và đào tạo trong hệ thống chính trị, ngành giáo dục và đào tạo và toàn xã hội, tạo sự đồng thuận cao coi giáo dục và đào tạo là quốc sách hàng đầu. Nâng cao nhận thức về vai trò quyết định chất lượng giáo dục và đào tạo của đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục; người học là chủ thể trung tâm của quá trình giáo dục; gia đình có trách nhiệm phối hợp với nhà trường và xã hội trong việc giáo dục nhân cách, lối sống cho con em mình.

Đổi mới công tác thông tin và truyền thông để thống nhất về nhận thức, tạo sự đồng thuận và huy động sự tham gia đánh giá, giám sát và phản biện của toàn xã hội đối với công cuộc đổi mới, phát triển giáo dục.

Coi trọng công tác phát triển đảng, công tác chính trị, tư tưởng trong các trường học, trước hết là trong đội ngũ giáo viên. Bảo đảm các trường học có chi bộ; các trường đại học có đảng bộ. Cấp ủy trong các cơ sở giáo dục-đào tạo phải thực sự đi đầu đổi mới, gương mẫu thực hiện và chịu trách nhiệm trước Đảng, trước nhân dân về việc tổ chức thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ giáo dục, đào tạo. Lãnh đạo nhà trường phát huy dân chủ, dựa vào đội ngũ giáo viên, viên chức và học sinh, phát huy vai trò của các tổ chức đoàn thể và nhân dân địa phương để xây dựng nhà trường.

Các bộ, ngành, địa phương xây dựng quy hoạch dài hạn phát triển nguồn nhân lực, dự báo nhu cầu về số lượng, chất lượng nhân lực, cơ cấu ngành nghề, trình độ. Trên cơ sở đó, đặt hàng và phối hợp với các cơ sở giáo dục, đào tạo tổ chức thực hiện.

Phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị, giải quyết dứt điểm các hiện tượng tiêu cực kéo dài, gây bức xúc trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo.

+ Tiếp tục đổi mới mạnh mẽ và đồng bộ các yếu tố cơ bản của giáo dục, đào tạo theo hướng coi trọng phát triển phẩm chất, năng lực của người học

Trên cơ sở mục tiêu đổi mới giáo dục và đào tạo, cần xác định rõ và công khai mục tiêu, chuẩn đầu ra của từng bậc học, môn học, chương trình, ngành và chuyên ngành đào tạo. Coi đó là cam kết bảo đảm chất lượng của cả hệ thống và từng cơ sở giáo dục và đào tạo; là căn cứ giám sát, đánh giá chất lượng giáo dục, đào tạo.

Đổi mới chương trình nhằm phát triển năng lực và phẩm chất người học, hài hòa đức, trí, thể, mỹ; dạy người, dạy chữ và dạy nghề. Đổi mới nội dung giáo dục theo hướng tinh giản, hiện đại, thiết thực, phù hợp với lứa tuổi, trình độ và ngành nghề; tăng thực hành, vận dụng kiến thức vào thực tiễn. Chú trọng giáo dục nhân cách, đạo đức, lối sống, tri thức pháp luật và ý thức công dân. Tập trung vào những giá trị cơ bản của văn hóa, truyền thống và đạo lý dân tộc, tinh hoa văn hóa nhân loại, giá trị cốt lõi và nhân văn của chủ nghĩa Mác-Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh. Tăng cường giáo dục thể chất, kiến thức quốc phòng, an ninh và hướng nghiệp. Dạy ngoại ngữ và tin học theo hướng chuẩn hóa, thiết thực, bảo đảm năng lực sử dụng của người học. Quan tâm dạy tiếng nói và chữ viết của các dân tộc thiểu số; dạy tiếng Việt và truyền bá văn hóa dân tộc cho người Việt Nam ở nước ngoài.

Đa dạng hóa nội dung, tài liệu học tập, đáp ứng yêu cầu của các bậc học, các chương trình giáo dục, đào tạo và nhu cầu học tập suốt đời của mọi người.

Tiếp tục đổi mới mạnh mẽ phương pháp dạy và học theo hướng hiện đại; phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo và vận dụng kiến thức, kỹ năng của người học; khắc phục lối truyền thụ áp đặt một chiều, ghi nhớ máy móc. Tập trung dạy cách học, cách nghĩ, khuyến khích tự học, tạo cơ sở để người học tự cập nhật và đổi mới tri thức, kỹ năng, phát triển năng lực. Chuyển từ học chủ yếu trên lớp sang tổ chức hình thức học tập đa dạng, chú ý các hoạt động xã hội, ngoại khóa, nghiên cứu khoa học. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông trong dạy và học.

Tiếp tục đổi mới và chuẩn hóa nội dung giáo dục mầm non, chú trọng kết hợp chăm sóc, nuôi dưỡng với giáo dục phù hợp với đặc điểm tâm lý, sinh lý, yêu cầu phát triển thể lực và hình thành nhân cách.

Xây dựng và chuẩn hóa nội dung giáo dục phổ thông theo hướng hiện đại, tinh gọn, bảo đảm chất lượng, tích hợp cao ở các lớp học dưới và phân hóa dần ở các lớp học trên; giảm số môn học bắt buộc; tăng môn học, chủ đề và hoạt động giáo dục tự chọn. Biên soạn sách giáo khoa, tài liệu hỗ trợ dạy và học phù hợp với từng đối tượng học, chú ý đến học sinh dân tộc thiểu số và học sinh khuyết tật.

Nội dung giáo dục nghề nghiệp được xây dựng theo hướng tích hợp kiến thức, kỹ năng, tác phong làm việc chuyên nghiệp để hình thành năng lực nghề nghiệp cho người học.

Đổi mới mạnh mẽ nội dung giáo dục đại học và sau đại học theo hướng hiện đại, phù hợp với từng ngành, nhóm ngành đào tạo và việc phân tầng của hệ thống giáo dục đại học. Chú trọng phát triển năng lực sáng tạo, kỹ năng thực hành, đạo đức nghề nghiệp và hiểu biết xã hội, từng bước tiếp cận trình độ khoa học và công nghệ tiên tiến của thế giới.

+ Đổi mới căn bản hình thức và phương pháp thi, kiểm tra và đánh giá kết quả giáo dục, đào tạo, bảo đảm trung thực, khách quan

Việc thi, kiểm tra và đánh giá kết quả giáo dục, đào tạo cần từng bước theo các tiêu chí tiên tiến được xã hội và cộng đồng giáo dục thế giới tin cậy và công nhận. Phối hợp sử dụng kết quả đánh giá trong quá trình học với đánh giá cuối kỳ, cuối năm học; đánh giá của người dạy với tự đánh giá của người học; đánh giá của nhà trường với đánh giá của gia đình và của xã hội.

Đổi mới phương thức thi và công nhận tốt nghiệp trung học phổ thông theo hướng giảm áp lực và tốn kém cho xã hội mà vẫn bảo đảm độ tin cậy, trung thực, đánh giá đúng năng lực học sinh, làm cơ sở cho việc tuyển sinh giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học.

Đổi mới phương thức đánh giá và công nhận tốt nghiệp giáo dục nghề nghiệp trên cơ sở kiến thức, năng lực thực hành, ý thức kỷ luật và đạo đức nghề nghiệp. Có cơ chế để tổ chức và cá nhân sử dụng lao động tham gia vào việc đánh giá chất lượng của cơ sở đào tạo.

Đổi mới phương thức tuyển sinh đại học, cao đẳng theo hướng kết hợp sử dụng kết quả học tập ở phổ thông và yêu cầu của ngành đào tạo. Đánh giá kết quả đào tạo đại học theo hướng chú trọng năng lực phân tích, sáng tạo, tự cập nhật, đổi mới kiến thức; đạo đức nghề nghiệp; năng lực nghiên cứu và ứng dụng khoa học và công nghệ; năng lực thực hành, năng lực tổ chức và thích nghi với môi trường làm việc. Giao quyền tự chủ tuyển sinh cho các cơ sở giáo dục đại học.

Thực hiện đánh giá chất lượng giáo dục, đào tạo ở cấp độ quốc gia, địa phương, từng cơ sở giáo dục, đào tạo và đánh giá theo chương trình của quốc tế để làm căn cứ đề xuất chính sách, giải pháp cải thiện chất lượng giáo dục, đào tạo.

Hoàn thiện hệ thống kiểm định chất lượng giáo dục. Định kỳ kiểm định chất lượng các cơ sở giáo dục, đào tạo và các chương trình đào tạo; công khai kết quả kiểm định. Chú trọng kiểm tra, đánh giá, kiểm soát chất lượng giáo dục và đào tạo đối với các cơ sở ngoài công lập, các cơ sở có yếu tố nước ngoài. Xây dựng phương thức kiểm tra, đánh giá phù hợp với các loại hình giáo dục cộng đồng.

Đổi mới cách tuyển dụng, sử dụng lao động đã qua đào tạo theo hướng chú trọng năng lực, chất lượng, hiệu quả công việc thực tế, không quá nặng về bằng cấp, trước hết là trong các cơ quan thuộc hệ thống chính trị. Coi sự chấp nhận của thị trường lao động đối với người học là tiêu chí quan trọng để đánh giá uy tín, chất lượng của cơ sở giáo dục đại học, nghề nghiệp và là căn cứ để định hướng phát triển các cơ sở giáo dục, đào tạo và ngành nghề đào tạo.

+ Hoàn thiện hệ thống giáo dục quốc dân theo hướng hệ thống giáo dục mở, học tập suốt đời và xây dựng xã hội học tập

Trước mắt, ổn định hệ thống giáo dục phổ thông như hiện nay. Đẩy mạnh phân luồng sau trung học cơ sở; định hướng nghề nghiệp ở trung học phổ thông. Tiếp tục nghiên cứu đổi mới hệ thống giáo dục phổ thông phù hợp với điều kiện cụ thể của đất nước và xu thế phát triển giáo dục của thế giới.

Quy hoạch lại mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp, giáo dục đại học gắn với quy hoạch phát triển kinh tế-xã hội, quy hoạch phát triển nguồn nhân lực. Thống nhất tên gọi các trình độ đào tạo, chuẩn đầu ra. Đẩy mạnh giáo dục nghề nghiệp sau trung học phổ thông, liên thông giữa giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học. Tiếp tục sắp xếp, điều chỉnh mạng lưới các trường đại học, cao đẳng và các viện nghiên cứu theo hướng gắn đào tạo với nghiên cứu khoa học. Thực hiện phân tầng cơ sở giáo dục đại học theo định hướng nghiên cứu và ứng dụng, thực hành. Hoàn thiện mô hình đại học quốc gia, đại học vùng; củng cố và phát triển một số cơ sở giáo dục đại học và giáo dục nghề nghiệp chất lượng cao đạt trình độ tiên tiến của khu vực và thế giới.

Khuyến khích xã hội hóa để đầu tư xây dựng và phát triển các trường chất lượng cao ở tất cả các cấp học và trình độ đào tạo. Tăng tỷ lệ trường ngoài công lập đối với giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học. Hướng tới có loại hình cơ sở giáo dục do cộng đồng đầu tư.

Đa dạng hóa các phương thức đào tạo. Thực hiện đào tạo theo tín chỉ. Đẩy mạnh đào tạo, bồi dưỡng năng lực, kỹ năng nghề tại cơ sở sản xuất, kinh doanh. Có cơ chế để tổ chức, cá nhân người sử dụng lao động tham gia xây dựng, điều chỉnh, thực hiện chương trình đào tạo và đánh giá năng lực người học.

+ Đổi mới căn bản công tác quản lý giáo dục, đào tạo, bảo đảm dân chủ, thống nhất; tăng quyền tự chủ và trách nhiệm xã hội của các cơ sở giáo dục, đào tạo; coi trọng quản lý chất lượng

Xác định rõ trách nhiệm của các cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục, đào tạo và trách nhiệm quản lý theo ngành, lãnh thổ của các bộ, ngành, địa phương. Phân định công tác quản lý nhà nước với quản trị của cơ sở giáo dục và đào tạo. Đẩy mạnh phân cấp, nâng cao trách nhiệm, tạo động lực và tính chủ động, sáng tạo của các cơ sở giáo dục, đào tạo.

Tăng cường hiệu lực quản lý nhà nước, nhất là về chương trình, nội dung và chất lượng giáo dục và đào tạo đối với các cơ sở giáo dục, đào tạo của nước ngoài tại Việt Nam. Phát huy vai trò của công nghệ thông tin và các thành tựu khoa học-công nghệ hiện đại trong quản lý nhà nước về giáo dục, đào tạo.

Các cơ quan quản lý giáo dục, đào tạo địa phương tham gia quyết định về quản lý nhân sự, tài chính cùng với quản lý thực hiện nhiệm vụ chuyên môn của giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục nghề nghiệp.

Chuẩn hóa các điều kiện bảo đảm chất lượng và quản lý quá trình đào tạo; chú trọng quản lý chất lượng đầu ra. Xây dựng hệ thống kiểm định độc lập về chất lượng giáo dục, đào tạo.

Đổi mới cơ chế tiếp nhận và xử lý thông tin trong quản lý giáo dục, đào tạo. Thực hiện cơ chế người học tham gia đánh giá hoạt động giáo dục, đào tạo; nhà giáo tham gia đánh giá cán bộ quản lý; cơ sở giáo dục, đào tạo tham gia đánh giá cơ quan quản lý nhà nước.

Hoàn thiện cơ chế quản lý cơ sở giáo dục, đào tạo có yếu tố nước ngoài ở Việt Nam; quản lý học sinh, sinh viên Việt Nam đi học nước ngoài bằng nguồn ngân sách nhà nước và theo hiệp định nhà nước.

Giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm cho các cơ sở giáo dục, đào tạo; phát huy vai trò của hội đồng trường. Thực hiện giám sát của các chủ thể trong nhà trường và xã hội; tăng cường công tác kiểm tra, thanh tra của cơ quan quản lý các cấp; bảo đảm dân chủ, công khai, minh bạch.

+ Phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý, đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục và đào tạo

Xây dựng quy hoạch, kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục gắn với nhu cầu phát triển kinh tế-xã hội, bảo đảm an ninh, quốc phòng và hội nhập quốc tế. Thực hiện chuẩn hóa đội ngũ nhà giáo theo từng cấp học và trình độ đào tạo. Tiến tới tất cả các giáo viên tiểu học, trung học cơ sở, giáo viên, giảng viên các cơ sở giáo dục nghề nghiệp phải có trình độ từ đại học trở lên, có năng lực sư phạm. Giảng viên cao đẳng, đại học có trình độ từ thạc sỹ trở lên và phải được đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm. Cán bộ quản lý giáo dục các cấp phải qua đào tạo về nghiệp vụ quản lý.

Phát triển hệ thống trường sư phạm đáp ứng mục tiêu, yêu cầu đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục; ưu tiên đầu tư xây dựng một số trường sư phạm, trường sư phạm kỹ thuật trọng điểm; khắc phục tình trạng phân tán trong hệ thống các cơ sở đào tạo nhà giáo. Có cơ chế tuyển sinh và cử tuyển riêng để tuyển chọn được những người có phẩm chất, năng lực phù hợp vào ngành sư phạm.

Đổi mới mạnh mẽ mục tiêu, nội dung, phương pháp đào tạo, đào tạo lại, bồi dưỡng và đánh giá kết quả học tập, rèn luyện của nhà giáo theo yêu cầu nâng cao chất lượng, trách nhiệm, đạo đức và năng lực nghề nghiệp.

Có chế độ ưu đãi đối với nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục. Việc tuyển dụng, sử dụng, đãi ngộ, tôn vinh nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục phải trên cơ sở đánh giá năng lực, đạo đức nghề nghiệp và hiệu quả công tác. Có chế độ ưu đãi và quy định tuổi nghỉ hưu hợp lý đối với nhà giáo có trình độ cao; có cơ chế miễn nhiệm, bố trí công việc khác hoặc kiên quyết đưa ra khỏi ngành đối với những người không đủ phẩm chất, năng lực, không đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ. Lương của nhà giáo được ưu tiên xếp cao nhất trong hệ thống thang bậc lương hành chính sự nghiệp và có thêm phụ cấp tùy theo tính chất công việc, theo vùng.

Khuyến khích đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ. Có chính sách hỗ trợ giảng viên trẻ về chỗ ở, học tập và nghiên cứu khoa học. Bảo đảm bình đẳng giữa nhà giáo trường công lập và nhà giáo trường ngoài công lập về tôn vinh và cơ hội đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ... Tạo điều kiện để chuyên gia quốc tế và người Việt Nam ở nước ngoài tham gia giảng dạy và nghiên cứu ở các cơ sở giáo dục, đào tạo trong nước.

Triển khai các giải pháp, mô hình liên thông, liên kết giữa các cơ sở đào tạo, nhất là các trường đại học với các tổ chức khoa học và công nghệ, đặc biệt là các viện nghiên cứu.

+ Đổi mới chính sách, cơ chế tài chính, huy động sự tham gia đóng góp của toàn xã hội; nâng cao hiệu quả đầu tư để phát triển giáo dục và đào tạo

Nhà nước giữ vai trò chủ đạo trong đầu tư phát triển giáo dục và đào tạo, ngân sách nhà nước chi cho giáo dục và đào tạo tối thiểu ở mức 20% tổng chi ngân sách; chú trọng nâng cao hiệu quả sử dụng vốn ngân sách. Từng bước bảo đảm đủ kinh phí hoạt động chuyên môn cho các cơ sở giáo dục, đào tạo công lập. Hoàn thiện chính sách học phí.

Đối với giáo dục mầm non và phổ thông, Nhà nước ưu tiên tập trung đầu tư xây dựng, phát triển các cơ sở giáo dục công lập và có cơ chế hỗ trợ để bảo đảm từng bước hoàn thành mục tiêu phổ cập theo luật định. Khuyến khích phát triển các loại hình trường ngoài công lập đáp ứng nhu cầu xã hội về giáo dục chất lượng cao ở khu vực đô thị.

Đối với giáo dục đại học và đào tạo nghề nghiệp, Nhà nước tập trung đầu tư xây dựng một số trường đại học, ngành đào tạo trọng điểm, trường đại học sư phạm. Thực hiện cơ chế đặt hàng trên cơ sở hệ thống định mức kinh tế-kỹ thuật, tiêu chuẩn chất lượng của một số loại hình dịch vụ đào tạo (không phân biệt loại hình cơ sở đào tạo), bảo đảm chi trả tương ứng với chất lượng, phù hợp với ngành nghề và trình độ đào tạo. Minh bạch hóa các hoạt động liên danh, liên kết đào tạo, sử dụng nguồn lực công ; bảo đảm sự hài hòa giữa các lợi ích với tích luỹ tái đầu tư.

Đẩy mạnh xã hội hóa, trước hết đối với giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học; khuyến khích liên kết với các cơ sở đào tạo nước ngoài có uy tín. Có chính sách khuyến khích cạnh tranh lành mạnh trong giáo dục và đào tạo trên cơ sở bảo đảm quyền lợi của người học, người sử dụng lao động và cơ sở giáo dục, đào tạo. Đối với các ngành đào tạo có khả năng xã hội hóa cao, ngân sách nhà nước chỉ hỗ trợ các đối tượng chính sách, đồng bào dân tộc thiểu số và khuyến khích tài năng. Tiến tới bình đẳng về quyền được nhận hỗ trợ của Nhà nước đối với người học ở trường công lập và trường ngoài công lập. Tiếp tục hoàn thiện chính sách hỗ trợ đối với các đối tượng chính sách, đồng bào dân tộc thiểu số và cơ chế tín dụng cho học sinh, sinh viên có hoàn cảnh khó khăn được vay để học. Khuyến khích hình thành các quỹ học bổng, khuyến học, khuyến tài, giúp học sinh, sinh viên nghèo học giỏi. Tôn vinh, khen thưởng xứng đáng các cá nhân, tập thể có thành tích xuất sắc và đóng góp nổi bật cho sự nghiệp giáo dục và đào tạo.

Khuyến khích các doanh nghiệp, cá nhân sử dụng lao động tham gia hỗ trợ hoạt động đào tạo. Xây dựng cơ chế, chính sách tài chính phù hợp đối với các loại hình trường. Có cơ chế ưu đãi tín dụng cho các cơ sở giáo dục, đào tạo. Thực hiện định kỳ kiểm toán các cơ sở giáo dục-đào tạo.

Tiếp tục thực hiện mục tiêu kiên cố hóa trường, lớp học; có chính sách hỗ trợ để có mặt bằng xây dựng trường. Từng bước hiện đại h óa cơ sở vật chất kỹ thuật, đặc biệt là hạ tầng công nghệ thông tin. Bảo đảm đến năm 2020 số học sinh mỗi lớp không vượt quá quy định của từng cấp học.

Phân định rõ ngân sách chi cho giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học với ngân sách chi cho cơ sở đào tạo, bồi dưỡng thuộc hệ thống chính trị và các lực lượng vũ trang. Giám sát chặt chẽ, công khai, minh bạch việc sử dụng kinh phí.

+ Nâng cao chất lượng, hiệu quả nghiên cứu và ứng dụng khoa học, công nghệ, đặc biệt là khoa học giáo dục và khoa học quản lý

Quan tâm nghiên cứu khoa học giáo dục và khoa học quản lý, tập trung đầu tư nâng cao năng lực, chất lượng, hiệu quả hoạt động của cơ quan nghiên cứu khoa học giáo dục quốc gia. Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ nghiên cứu và chuyên gia giáo dục. Triển khai chương trình nghiên cứu quốc gia về khoa học giáo dục.

Tăng cường năng lực, nâng cao chất lượng và hiệu quả nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ của các cơ sở giáo dục đại học. Gắn kết chặt chẽ giữa đào tạo và nghiên cứu, giữa các cơ sở đào tạo với các cơ sở sản xuất, kinh doanh. Ưu tiên đầu tư phát triển khoa học cơ bản, khoa học mũi nhọn, phòng thí nghiệm trọng điểm, phòng thí nghiệm chuyên ngành, trung tâm công nghệ cao, cơ sở sản xuất thử nghiệm hiện đại trong một số cơ sở giáo dục đại học. Có chính sách khuyến khích học sinh, sinh viên nghiên cứu khoa học.

Khuyến khích thành lập viện, trung tâm nghiên cứu và chuyển giao công nghệ, doanh nghiệp khoa học và công nghệ, hỗ trợ đăng ký và khai thác sáng chế, phát minh trong các cơ sở đào tạo. Hoàn thiện cơ chế đặt hàng và giao kinh phí sự nghiệp khoa học và công nghệ cho các cơ sở giáo dục đại học. Nghiên cứu sáp nhập một số tổ chức nghiên cứu khoa học và triển khai công nghệ với các trường đại học công lập.

Ưu tiên nguồn lực, tập trung đầu tư và có cơ chế đặc biệt để phát triển một số trường đại học nghiên cứu đa ngành, đa lĩnh vực sớm đạt trình độ khu vực và quốc tế, đủ năng lực hợp tác và cạnh tranh với các cơ sở đào tạo và nghiên cứu hàng đầu thế giới.

+ Chủ động hội nhập và nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế trong giáo dục, đào tạo

Chủ động hội nhập quốc tế về giáo dục, đào tạo trên cơ sở giữ vững độc lập, tự chủ, bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa, bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa tốt đẹp của dân tộc, tiếp thu có chọn lọc tinh hoa văn hóa và thành tựu khoa học, công nghệ của nhân loại. Hoàn thiện cơ chế hợp tác song phương và đa phương, thực hiện các cam kết quốc tế về giáo dục, đào tạo.

Tăng quy mô đào tạo ở nước ngoài bằng ngân sách nhà nước đối với giảng viên các ngành khoa học cơ bản và khoa học mũi nhọn, đặc thù. Khuyến khích việc học tập và nghiên cứu ở nước ngoài bằng các nguồn kinh phí ngoài ngân sách nhà nước. Mở rộng liên kết đào tạo với những cơ sở đào tạo nước ngoài có uy tín, chủ yếu trong giáo dục đại học và giáo dục nghề nghiệp; đồng thời quản lý chặt chẽ chất lượng đào tạo.

Có cơ chế khuyến khích các tổ chức quốc tế, cá nhân nước ngoài, người Việt Nam ở nước ngoài tham gia hoạt động đào tạo, nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao khoa học và công nghệ ở Việt Nam. Tăng cường giao lưu văn hóa và học thuật quốc tế.

Có chính sách hỗ trợ, quản lý việc học tập và rèn luyện của học sinh, sinh viên Việt Nam đang học ở nước ngoài và tại các cơ sở giáo dục, đào tạo có yếu tố nước ngoài tại Việt Nam.

*1.1.2 Nhóm năng lực cần có của GV THCS ở thế kỉ XXI*

1/ Nhóm năng lực chuyên môn;

2/ Nhóm năng lực tổ chức hoạt động dạy học, giáo dục;

3/ Nhóm năng lực phát triển phẩm chất cá nhân và giá trị nghề nghiệp.

1.1.2.1. Nhóm năng lực chuyên môn

Năng lực chuyên môn là khả năng hiểu biết kiến thức và chương trình môn học của giáo viên. Giáo viên cần nắm vững kiến thức môn học, đảm bảo nội dung dạy học chính xác, có hệ thống, vận dụng hợp lý các kiến thức liên môn đáp ứng mục tiêu của chương trình giáo dục phổ thông. Năng lực này được thể hiện ở việc giáo viên nắm vững và chính xác, hệ thống kiến thức môn học, có sự liên hệ và mở rộng với các môn học khác và thực tiễn.

Bên cạnh đó, giáo viên THCS cần có sự hiểu biết về lí luận, phương pháp dạy học và phát triển chương trình, về quá trình dạy học, phương pháp, phương tiện, hình thức tổ chức dạy học phát triển năng lực của học sinh đáp ứng mục tiêu giáo dục, về tâm lý giáo dục, về sự phát triển tâm sinh lý, đặc điểm nhận thức và học tập của học sinh, các nguyên tắc, phương pháp, hình thức tổ chức giáo dục học sinh phù hợp đối tượng và môi trường giáo dục, đáp ứng mục tiêu giáo dục đề ra, về kiểm tra - đánh giá trong dạy học và giáo dục và các phương pháp, hình thức, công cụ kiểm tra- đánh giá phẩm chất và năng lực của học sinh.

1.1.2.2. Nhóm năng lực tổ chức hoạt động dạy học, giáo dục

Năng lực tổ chức hoạt động dạy học, giáo dục của giáo viên được thể hiện ở khả năng lập kế hoạch, thực hiện kế hoạch dạy học và giáo dục học sinh, xây dựng môi trường học tập và giáo dục học sinh và tổ chức kiểm tra, đánh giá kết quả học tập, giáo dục học sinh.

Người giáo viên phải có khả năng lập được kế hoạch dạy học và giáo dục đảm bảo yêu cầu của mục tiêu dạy học và giáo dục theo chương trình giáo dục phổ thông quốc gia, phù hợp với đặc điểm học sinh và môi trường giáo dục; Sử dụng các phương pháp, kĩ thuật, phương tiện dạy học đểtriển khai các hoạt động học tập và rèn luyện của học sinh đạt được mục tiêu dạy học và giáo dục đề ra.

Bên cạnh đó, giáo viên phải là người tạo dựng môi trường học tập và giáo dục dân chủ, thân thiện, hợp tác, cộng tác, thuận lợi, an toàn và lành mạnh; Sử dụng các hình thức, phương pháp, công cụ kiểm tra, đánh giá năng lực học sinh một cách chính xác, khách quan, công bằng để điều chỉnh hoạt động dạy học, giáo dục thúc đẩy sự phấn đấu vươn lên của học sinh.

1.1.2.3. Nhóm năng lực phát triển phẩm chất cá nhân và giá trị nghề nghiệp

Năng lực phát triển phẩm chất cá nhân và giá trị nghề nghiệp của giáo viên THCS được thể hiện ở năng lực phát triển chuyên môn, năng lực giao tiếp, các phẩm chất chính trị, đạo đức và năng lực xây dựng cộng đồng phục vụ dạy học và giáo dục.

Giáo viên phải có kỹ năng tự đánh giá, tự học và tự rèn luyện về phẩm chất chính trị, đạo đức, chuyên môn nghiệp vụ nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả dạy học và giáo dục. Việc xác định những điểm mạnh và hạn chế về chuyên môn, nghiệp vụ của cá nhân và lập kế hoạch cho việc tự đào tạo, bồi dưỡng phát triển chuyên môn, nghiệp vụ và cho thực tiễn giảng dạy là một năng lực cơ bản của giáo viên THCS.

Đối với giáo viên THCS hạng II, năng lực này cần đáp ứng ở mức độ người giáo viên phải xác định các nội dung tự đào tạo và bồi dưỡng phát triển chuyên môn khai khác được những điểm mạnh và khắc phục những điểm yếu của bản thân và cho thực tiễn giảng dạy; Xây dựng được mối quan hệ hợp tác, thân thiện với đồng nghiệp, học sinh, gia đình và cộng đồng địa phương.

Chấp hành đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, thực hiện nghĩa vụ công dân, tôn trọng, giữ gìn đạo đức phẩm chất nhà giáo cũng là một yêu cầu cần thiết đối với giáo viên.

Bên cạnh đó, người giáo viên phải có năng lực phối hợp với gia đình và cộng đồng trong hỗ trợ, giám sát việc học tập, rèn luyện, hướng nghiệp của học sinh và góp phần huy động các nguồn lực trong cộng đồng phát triển, mở rộng các nguồn lực xã hội phục vụ dạy học và giáo dục.

***1.2. Đạo đức nghề nghiệp giáo viên THCS hạng II***

Tiêu chuẩn chung về đạo đức nghề nghiệp của giáo viên trung học cơ sở:

i) Có ý thức trau dồi đạo đức, nêu cao tinh thần trách nhiệm, giữ gìn phẩm chất, danh dự, uy tín của nhà giáo; gương mẫu trước học sinh.

ii) Thương yêu, đối xử công bằng và tôn trọng nhân cách của học sinh; bảo vệ các quyền và lợi ích chính đáng của học sinh; đoàn kết, giúp đỡ đồng nghiệp.

iii) Các tiêu chuẩn đạo đức khác của giáo viên quy định tại Luật Giáo dục và Luật Viên chức.

Ngoài ra, có nhiều văn bản chỉ đạo của các cấp về tăng cường đạo đức nhà giáo như Chỉ thị 05-CT/TW của Bộ Chính trị khóa XII về “Đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh” ngày 15/5/2016; Chỉ thị 3031/CT-BGDĐT ngày 26/8/2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về nhiệm vụ trọng tâm của Giáo dục mầm non, phổ thông thường xuyên; Chỉ thị số 8077/CT-BGDĐT ngày 21/12/2007 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về tập trung kiểm tra, chấn chỉnh vi phạm đạo đức nhà giáo và Quy định về đạo đức nhà giáo (ban hành kèm theo Quyết định số 16/2008/QĐ-BGDĐT ngày 16/4/2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo) trong đó chú trọng nhiệm vụ đánh giá, rà soát, sắp xếp lại đội ngũ nhà giáo, nâng cao trình độ chuyên môn, bản lĩnh chính trị, phẩm chất đạo đức, lối sống, lương tâm nghề nghiệp, giúp đỡ kịp thời các GV, CBQLGD và nhân viên vượt qua khó khăn trong cuộc sống và công tác; đảm bảo trong nhà trường, trong cơ quan quản lý giáo dục không có GV, CBQLGD và nhân viên vi phạm đạo đức nhà giáo, vi phạm quy chế chuyên môn nghiệp vụ.

***1.3. Tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên THCS hạng II***

Về nhiệm vụ, ngoài những nhiệm vụ của giáo viên trung học cơ sở hạng III, giáo viên trung học cơ sở hạng II còn phải thực hiện những nhiệm vụ sau:

i) Làm báo cáo viên hoặc dạy minh họa ở cáo lớp bồi dưỡng giáo viên trung học cơ sở hoặc dạy thử nghiệm các mô hình, phương pháp mới;

ii) Hướng dẫn sinh viên thực hành sư phạm khi được phân công;

iii) Vận dụng hiệu quả sáng kiến kinh nghiệm, tham gia đánh giá hoặc hướng dẫn đồng nghiệp viết sáng kiến kinh nghiệm, sản phẩm nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng cấp trường trở lên;

iv) Tham gia hướng dẫn hoặc đánh giá sản phẩn nghiên cứu khoa học kỹ thuật của học sinh trung học cơ sở từ cấp trường trở lên;

v) Chủ trì các nội dung bồi dưỡng, sinh hoạt chuyên đề ở tổ chuyên môn;

vi) Tham gia công tác kiểm tra chuyên môn, nghiệp vụ cho giáo viên trung học cơ sở cấp trường trở lên;

vii) Tham gia ban giám khảo hội thi giáo viên trung học cơ sở dạy giỏi hoặc giáo viên trung học cơ sở chủ nhiệm giỏi cấp trường trở lên;

viii) Tham gia ra đề và chấm thi học sinh giỏi trung học cơ sở từ cấp trường trở lên;

ix) Tham gia tổ chức, đánh giá các hội thi của học sinh trung học cơ sở từ cấp trường trở lên.

Những yêu cầu về nhiệm vụ nêu trên cho thấy, trong trường THCS, giáo viên THCS đã được xác định ở vị trí của đội ngũ cốt cán - là lực lượng nòng cốt tham gia vào các công việc chuyên môn quan trọng của tổ bộ môn và nhà trường ngoài nhiệm vụ dạy học và giáo dục thông thường.

Chẳng hạn, đối với nhiệm vụ *“Làm báo cáo viên hoặc dạy minh họa ở cáo lớp bồi dưỡng giáo viên trung học cơ sở hoặc dạy thử nghiệm các mô hình, phương pháp mới”*. Nhiệm vụ này đòi hỏi người giáo viên THCS không chỉ có kiến thức, có hiểu biết về các nội dung bồi dưỡng, mô hình, phương pháp mới mà cần có năng lực để chia sẻ, huấn luyện cho chính các đồng nghiệp của mình về những cái mới ấy. Nhiệm vụ này đã đặt người giáo viên THCS hạng II trước yêu cầu cao hơn, khó khăn hơn so với giáo viên THCS hạng III.

Bên cạnh đó, có thể thấy, giáo viên THCS hạng II phải tham gia hầu hết các hoạt động chuyên môn trong phạm vi cấp trường như: thi giáo viên trung học cơ sở dạy giỏi hoặc giáo viên trung học cơ sở chủ nhiệm giỏi, các hội thi của học sinh…Như vậy, từ vị trí của một giáo viên hạng III, phạm vi hoạt động và ảnh hưởng chủ yếu trong tổ bộ môn và trong các lớp được giao dạy học, chủ nhiệm, người giáo viên THCS hạng II cần có những đóng góp mở rộng hơn, tới phạm vi toàn trường đồng thời cũng là phạm vi chuyên sâu hơn – đi vào các hoạt động chuyên môn cấp cao hơn.

Về trình độ đào tạo, bồi dưỡng, để được bổ nhiệm vào hạng II, giáo viên THCS cần đáp ứng các tiêu chuẩn sau:

i) Có bằng tốt nghiệp đại học sư phạm trở lên hoặc có bằng tốt nghiệp đại học các chuyên ngành phù hợp với bộ môn giảng dạy trở lên và có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm đối với giáo viên trung học cơ sở;

ii) Có trình độ ngoại ngữ bậc 2 theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc cơ chứng chỉ tiếng dân tộc đối với những vị trí việc làm yêu cầu tiếng dân tộc;

Đối với giáo viên dạy ngoại ngữ thì trình độ ngoại ngữ thứ hai phải đạt bậc 2 theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam;

iii) Có trình độ tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11 tháng 3 năm 2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin;

iv) Có chứng chỉ bồi dưỡng giáo viên trung học cơ sở hạng II.

Để đáp ứng những yêu cầu về trình độ đào tạo, bồi dưỡng của giáo viên THCS hạng II, bên cạnh những điều kiện sẵn có từ khi tuyển dụng (trình độ đại học), giáo viên cần có sự chủ động tích lũy, học tập (năng lực ngoại ngữ, tin học). Bên cạnh đó, cần có sự tạo điều kiện của cơ quan quản lý các cấp để giáo viên có đủ tiêu chuẩn theo quy định (chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên THCS hạng II). Việc đáp ứng các tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng cần phải có thời gian, nghĩa là phải trải qua năm tháng học tập, rèn luyện mới có được, cho nên, giáo viên phải chủ động xây dựng kế hoạch, lộ trình cho riêng mình để bổ sung và hoàn thiện cũng như từ đó, trao đổi với tổ bộ môn và Ban giám hiệu để tạo sự đồng thuận, ủng hộ của các cấp quản lý này trong lộ trình phát triển bản thân.

Để đáp ứng nhiệm vụ theo yêu cầu của chức danh nghề nghiệp hạng II, ngoài những yêu cầu của giáo viên THCS hạng III, giáo viên THCS hạng II còn phải đáp ứng các yêu cầu về tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ bao gồm:

i) Nắm vững chủ trương, đường lối, chính sách, pháp luật của Đảng, Nhà nước, quy định và yêu cầu của ngành, địa phương về giáo dục trung học cơ sở;

ii) Thực hiện tốt, kế hoạch, chương trình giáo dục trung học cơ sở;

iii) Vận dụng linh hoạt và hướng dẫn đồng nghiệp vận dụng những kiến thức về giáo dục học và tâm sinh lý lứa tuổi vào thực tiễn giáo dục học sinh trung học cơ sở;

iv) Vận dụng tốt những kiến thức về kinh tế, văn hóa, xã hội trong tư vấn hướng nghiệp, phân luồng học sinh trung học cơ sở;

v) Tích cực phối hợp với đồng nghiệp, cha mẹ học sinh và cộng đồng để nâng cao hiệu quả giáo dục học sinh trung học cơ sở;

vi) Có khả năng vận dụng hiệu quả, đánh giá hoặc hướng dẫn đồng nghiệp viết sáng kiến kinh nghiệm, sản phẩm nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng cấp trường trở lên;

vii) Có khả năng hướng dẫn, đánh giá sản phẩm nghiên cứu khoa học kỹ thuật của học sinh trung học cơ sở từ cấp trường trở lên;

viii) Được công nhận là chiến sĩ thi đua cấp cơ sở hoặc giáo viên trung học cơ sở dạy giỏi, giáo viên trung học cơ sở chủ nhiệm giỏi cấp trường trở lên;

ix) Viên chức thăng hạng từ chức danh giáo viên trung học cơ sở hạng III lên chức danh giáo viên trung học cơ sở hạng II phải có thời gian giữ chức danh giáo viên trung học cơ sở hạng III hoặc tương đương từ đủ 06 (sáu) năm trở lên, trong đó thời gian gần nhất giữ chức danh giáo viên trung học cơ sở hạng III tối thiểu từ đủ 01 (một) năm trở lên.

Năng lực chuyên môn nghiệp vụ của giáo viên THCS hạng II đã được đặt ra và yêu cầu ở mức cao, là mức độ *“nắm vững”, “vận dụng tốt”, “vận dụng linh hoạt”.* Điều này đồng nghĩa với việc, để được bổ nhiệm vào chức danh hạng II, giáo viên phải không ngừng nỗ lực để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, từ hiểu biết cho bản thân đến hiểu rộng, hiểu sâu để có sức lan tỏa, ảnh hưởng đến đồng nghiệp.

Bên cạnh đó, sau ít nhất 06 năm ở hạng III, giáo viên THCS cần chủ động có kế hoạch và lộ trình để tích lũy những danh hiệu cần thiết, cơ bản như: danh hiệu chiến sĩ thi đua cấp cơ sở hoặc giáo viên trung học phổ thông dạy giỏi, giáo viên trung học phổ thông chủ nhiệm giỏi cấp trường trở lên. Những danh hiệu này thể hiện sự ghi nhận của đơn vị, cơ sở đối với năng lực chuyên môn, nghiệp vụ của giáo viên, cũng đồng thời là dấu mốc đánh dấu sự trưởng thành từng bước trong nghiệp vụ của giáo viên – vì đó sẽ là những cơ sở quan trọng để giáo viên tiếp tục phát triển nghề nghiệp của mình ở những nấc thang cao hợn trong nghề nghiệp.

**2. Phát triển năng lực nghề nghiệp cho đội ngũ giáo viên giáo viên cốt cán ở trường THCS**

***2.1 Đội ngũ giáo viên cốt cán cấp THCS***

Trong sự phân hạng của giáo viên các cấp, hạng thấp nhất (tức là hạng III đối với giáo viên THCS, THCS và hạng IV đối với giáo viên mầm non, Tiểu học) là hạng cơ sở - nghĩa là các yêu cầu đối với giáo viên mới chỉ dừng lại ở mức tiêu chuẩn. Để được tuyển dụng vào ngành, người dự tuyển giáo viên cần phải đáp ứng các yêu cầu cơ bản theo tiêu chuẩn chức danh của hạng thấp nhất - hạng nền tảng cơ sở để có thể có đủ điều kiện hành nghề. Sau khi vào ngành, trải qua quá trình tập sự - làm quen với môi trường làm việc và thử việc trong vòng 01 năm tùy cấp học, giáo viên bước vào giai đoạn phát triển, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm cũng như trau dồi năng lực chuyên môn, nghiệp vụ để trưởng thành.

Trải qua thời gian tích lũy và rèn luyện, khi bước vào giai đoạn thứ 2 trong sự thăng tiến nghề nghiệp (hạng II), giáo viên nói chung, giáo viên THCS nói riêng đã tiến tới vị trí của giáo viên cốt cán trong đội ngũ nhà giáo của cấp học.

Vì vậy, đội ngũ giáo viên cốt cán cấp THCS cần phải thỏa mãn các điều kiện cần và đủ sau đây:

1/ Đạt hoặc vượt chuẩn trình độ đào tạo được quy định cho giáo viên THCS, có năng lực nghề nghiệp đáp ứng tối thiểu từ mức độ 3 (mức xuất sắc) so với những quy định trong Chuẩn nghề nghiệp giáo viên THCS;

2/ Được xác/thừa nhận về uy tín trong tập thể sư phạm thông qua các vai trò:

(i) Chuyên gia môn học (môn học đang giảng dạy/đã giảng dạy)và nghiệp vụ sư phạm;

(ii) Người khởi xướng các ý tưởng sáng tạo và say mê nghiên cứu khoa học;

(iii) Người có năng lực và tích cực hướng dẫn, tư vấn cho đồng nghiệp và học sinh;

(iv) Người có năng lực tự học và không ngừng phát triển nghề nghiệp một cách hiệu quả.

Các giáo viên cốt cán khi tập hợp thành đội ngũ, đội ngũ đó sẽ có đầy đủ các đặc trưng của đội ngũ nói chung với các thành tố cấu trúc cơ bản như: số lượng, cơ cấu và chất lượng.

***2.2.Vai trò của giáo viên cốt cán ởtrường THCS***

Giáo viên cốt cán ở trường THCS có vai trò quan trọng trong việc xác định nhu cầu giáo dục và cải thiện chất lượng giáo dục của trường THCS. Giáo viên cốt cán là những giáo viên biết rõ những gì đang xảy ra trong trường học của họ. Họ ở một vị trí đủ tốt và khách quan bởi lẽ họ không chỉ làm việc với đồng nghiệp, với học sinh, mà họ còn tiếp xúc nhiều với phụ huynh, cộng đồng và những cơ quan, tổ chức có liên quan trong công tác giáo dục học sinh. Giáo viên cốt cán ở trường THCS là đội ngũ

mà Hiệu trưởng và các cấp quản lí kì vọng họ sẽ tạo ra những đột phá và mang lại bầu không khí thân thiện, nhân văn, vì sự phát triển chuyên môn nghềnghiệp và vì sựtiến bộcủa học sinh. Chính vì vậy, mỗi giáo viên cốt cán trong trường cần có ý thức và định hướng rõ ràng cho sự phát triển của cá nhân mình, của cá nhân trong bối cảnh phát triển chung của trường và định hướng phát triển nhà trường. Giáo viên cốt cán là cầu nối, là người kết nối sức mạnh của các giáo viên và nhân viên khác trong trường để lập kếh oạch giáo dục, thảo luận về mục tiêu phát triển nhà trường, kế hoạch hành động cụ hể cho các mục tiêu đó. Giáo viên cốt cán trong trường đồng thời cũng là những người gắn kết và thực hiện sứ mệnh của nhà trường từ ý tưởng của lãnh đạo nhà trường dựa trên quy hoạch phát triển chung của trường nơi giáo viên đó làm việc, đồng thời là người chia sẻ những bài học kinh nghiệm của những bạn bè đồng nghiệp tại các cơ sở giáo dục khác.

Giáo viên cốt cán còn là người truyền cảm hứng cho đồng nghiệp của mình trước những thay đổi hoặc những đổi mới giáo dục nhất là trong bối cảnh xã hội hội nhập và phát triển như hiện nay.

Giáo viên cốt cán là những người góp phần to lớn trong việc cải tiến trường học, thay đổi chính sách trong trường học. Hơn ai hết, đội ngũ giáo viên cốt cán là người hiểu không chỉ về chương trình giáo dục, những quy định mang tính chất ràng buộc luật pháp của nghề nghiệp, mà họ còn là những người hiểu sâu sắc và thấu đáo những lợi ích mang lại từ những các tiếp cận mới trong giáo dục, họ là những người đại diện cho những giáo viên nhiệt huyết, chính vì vậy những đề nghị, ý kiến cũng như mong muốn chính đáng của họ góp phần cải thiện chất lượng giáo dục học đường, góp phần thay đổi chính sách đối với giáo viên, học sinh và những người làm công tác giáo dục trong cả cộng đồng.

***2.3. Phát triển đội ngũ giáo viên cốt cán trong trường THCS đáp ứng yêu cầu đổi mới chương trình giáo dục phổ thông***

*2.3.1. Kế hoạch và chuẩn bị phát triển đội ngũ giáo viên cốt cán ở trường THCS*

Phát triển đội ngũ giáo viên cốt cán là việc làm hết sức quan trọng, là động lực phát triển nhà trường nói chung và phát triển năng lực nghề nghiệp mỗi giáo viên THCS nói riêng. Nhiệm vụ này không chỉ của riêng cán bộ quản lý nhà trường mà là của mọi giáo viên và nhân viên trong nhà trường.

Việc phát triển đội ngũ giáo viên cốt cán phải dựa trên tầm nhìn, sứ mệnh, mục tiêu, chiến lược, giá trị và thực trạng của nhà trường. Kế hoạch phát triển đội ngũ giáo viên cốt cán có thể thực hiện theo các bước sau đây:

THCS nói riêng. Nhiệm vụnày không chỉ của riêng cán bộ quản lý nhà trường mà là của mọi giáo viên và nhân viên trong nhà trường.

Việc phát triển đội ngũ giáo viên cốt cán phải dựa trên tầm nhìn, sứ mệnh, mục tiêu, chiến lược, giá trị và thực trạng của nhà trường. Kế hoạch phát triển đội ngũ giáo viên cốt cán có thể thực hiện theo các bước sau đây:

+ Quy hoạch đội ngũ chung trong bối cảnh nhà trường và phẩm chất, năng lực cần có đặc thù của giáo viên cốt cán.

+ Hệ thống chính sách, mô tả nhiệm vụ cùng các điều kiện khác trong tiến trình xây dựng đội ngũ giáo viên cốt cán.

-Tổ chức thực hiện kế hoạch đã xây dựng;

-Đánh giá việc thực hiện và điều chỉnh

*2.3.2. Tổ chức dạy học, giáo dục của giáo viên cốt cán*

Việc tổ chức các hoạt động dạy học và giáo dục của giáo viên cốt cán không chỉ tác động đến học sinh trong lớp của mình, vì sự tiến bộ của học sinh; mà còn là một kênh thông tin để đồng nghiệp cùng tham khảo,chia sẻ và học hỏi kinh nghiệm. Chính vì vậy, khi đội ngũ giáo viên cốt cán tổ chức dạy học cũng như tổ chức các hoạt động giáo dục, cần tạo cơ hội đểcó sự tham gia của bạn bè đồng nghiệp và cộng đồng. Đối với đồng nghiệp, đó là việc chia sẻ những bài học thành công và những bài học cần rút kinh nghiệm; đối với cộng đồng, đó là sự phối hợp để hiểu những nội dung mà học sinh được học, để từ đó có những phối hợp tốt nhất từ phía gia đình và cộng đồngvào việc giáo dục học sinh.

*2.3.3 Hỗ trợ đồng nghiệp của giáo viên cốt cán*

Với những năng lực nghề nghiệp của giáo viên cốt cán trong nhà trường tiểu học, việc hỗ trợ đồng nghiệp của đội ngũ giáo viên cốt cán giúp không chỉ phát triển nghề nghiệp cho giáo viên được giúp đỡ, mà còn phát triển chuyên môn nghiệp vụ cho chính những giáo viên cốt cán đó. Việc hỗ trợ đồng nghiệp của giáo viên cốt cán có thể được thực hiện trong các hoạt động sau:

-Tổ chức chuyên đề, hội thảo, bồi dưỡng, tập huấn, sinh hoạt chuyên môn theo nhu cầu giáo dục của tổ/khối/trường/cụm trường;

-Thăm lớp, thảo luận, chia sẻ kinh nghiệm về các vấn đề giáo dục, dạy học học sinh có năng khiếu nổi bật, học sinh có hành vi không mong đợi, học sinh cần tư vấn và hỗ trợ đặc biệt;

-Xây dựng kho tư liệu, tài nguyên dạy học, nguồn học liệu của tổ/ khối/trường/ cụm trường hoặc địa phương để có những hỗ trợ về mặt lí luận và thực tiễn giảng dạy;

-Thành lập câu lạc bộ, diễn đàn để chia sẻ kinh nghiệm, thuận lợi, khó khăn trong công tác chuyên môn, nghiệp vụ;

- Cùng tham gia thiết kế và trao đổi thiết bị,đồ dùng dạy học.

*2.3.4. Phương pháp và chiến lược dạy học, giáo dục và hợp tác, hỗ trợ đồng nghiệp về phương pháp và chiến lược dạy học và giáo dục của giáo viên cốt cán*

***a) Phương pháp và chiến lược dạy học của giáo viên cốt cán***

Dạy học ngày nay có rất nhiều điểm khác biệt so với dạy học của nhiều năm về trước, song bên cạnh những khác biệt đó thì vẫn còn rất nhiều điểm tương đồng với việc dạy học trong quá khứ. Những điểm tương đồng trong dạy học ngày nay và dạy học trước đây có thể kể đến như là: việc học vẫn diễn ra trong môi trường học đường; người học vẫn học cùng với nội dung học vấn phổ thông; phần lớn các lĩnh vực học tập của người học ngày nay vẫn được tiếp tục từ thời kì trước đây. Mặc dù có nhiều điểm tương đồng như vậy, nhưng vẫn có thể điểm ra những khác biệt đó là: ngoài môi trường học đường người học còn trải nghiệm trong cuộc sống; ngoài nội dung học vấn phổ thông còn những kĩ năng và năng lực cá nhân và năng lực xã hội; ngoài những lĩnh vực học tập truyền thống còn mở ra nhiều lĩnh vực học tập mới; đặc biệt sự xuất hiện và không ngừng cải tiến của công nghệ tác động mạnh mẽ đến cách học cũng như việc lựa chọn nội dung và môi trường học tập.

Với những điểm tương đồng và khác biệt đó, việc sử dụng phương pháp và chiến lược dạy học trở thành một nghệ thuật, mà mỗi người giáo viên cốt cán là một diễn viên thực thụ trên sân khấu nghệ thuật đó. Lúc này, mỗi giáo viên quyết định lựa chọn và sử dụng các phương pháp truyền thống như thuyết trình, đàm thoại, luyện tập,… hoặckhai thác các cách tiếp cận khác trong dạy học như: dạy giải quyết vấn đề; dạy theo tình huống; định hướng hành động...

Phối hợp các phương pháp, chiến lược dạy học có thể theo các cách sau đây:

1/ Cải tiến các phương pháp dạy học truyền thống

Các phương pháp dạy học truyền thống như thuyết trình, đàm thoại, luyện tập luôn quan trọng. Đổi mới không có nghĩa là loại bỏ phương pháp này mà cần bắt đầu bằng việc cải tiến để nâng cao hiệu quả và hạn chế nhược điểm của chúng. Giáo viên trước hết cần nắm vững yêu cầu và sử dụng thành thạo các kỹ thuật trong việc chuẩn bị cũng như tiến hành bài lên lớp, làm sao phát huy tính tích cực và sáng tạo của học sinh.

2/ Kết hợp đa dạng phương pháp dạy học

Không có một phương pháp dạy học toàn năng phù hợp với mọi mục tiêu và nội dung. Mỗi phương pháp và hình thức dạy học có những ưu, nhược điểm và giới hạn sử dụng riêng. Vì vậy việc phối hợp đa dạng phương pháp và hình thức trong toàn bộ quá trình dạy học là phương hướng quan trọng để phát huy tính tích cực và nâng cao chất lượng dạy học. Dạy học toàn lớp, dạy học nhóm, và dạy học cá thể cần được kết hợp linh hoạt.

3/ Vận dụng dạy học giải quyết vấn đề

Dạy học giải quyết vấn đề là quan điểm dạy học nhằm phát triển năng lực tư duy, khả năng nhận biết và giải quyết vấn đề. Học được đặt trong một tình huống có vấn đề, chứa đựng mâu thuẫn nhận thức. Thông qua việc giải quyết vấn đề, học sinh lĩnh hội tri thức, kỹ năng và phương pháp nhận thức. Dạy học giải quyết vấn đề là con đường cơ bản để phát huy tính tích cực nhận thức của học sinh, có thể áp dụng trong nhiều hình thức dạy học với mức độ tự lực của học sinh.

4/ Vận dụng dạy học theo tình huống

Trong đó việc dạy được tổ chức theo một chủ đề phức hợp gắn với các tình huống thực tiễn cuộc sống và nghề nghiệp. Quá trình học tập được tổ chức trong một môi trường tạo điều kiện cho học sinh kiến tạo tri thức theo cá nhân và trong mối tương tác xã hội. Các chủ đề dạy học phức hợp thường liên quan đến nhiều môn hoặc lĩnh vực tri thức, gắn với thực tiễn.

5/ Vận dụng dạy học định hướng hành động

Là quan điểm dạy học nhằm làm cho các hoạt động trí óc và chân tay kết hợp chặt chẽ. Học sinh thực hiện các nhiệm vụ học tập và hoàn thành sản phẩm hành động, có sự kết hợp linh hoạt giữa hoạt động trí tuệ và tay chân. Đây là quan điểm dạy học tích cực hoá và tiếp cận toàn thể. Vận dụng dạy học định hướng hành động có ý nghĩa quan trọng cho việc thực hiện nguyên lý giáo dục kết hợp lý thuyết với thực tiễn, tư duy và hành động, nhà trường và xã hội.

6/ Tăng cường sử dụng công nghệ thông tin hỗ trợ dạy học

Phương tiện có vai trò quan trọng trong đổi mới phương pháp dạy học, nhằm tăng cường tính trực quan và thí nghiệm, thực hành. Hiện nay, việc trang bị các phương tiện dạy học mới cho các trường phổ thông từng bước được tăng cường. Tuy nhiên các phương tiện dạy học tự làm của giáo viên luôn có ý nghĩa quan trọng, cần được phát huy.

7/ Sử dụng kỹ thuật dạy học phát huy tính tích cực và sáng tạo

Kỹ thuật dạy học là cách thức hành động của giáo viên và học sinh trong các tình huống nhỏ nhằm thực hiện và điều khiển quá trình dạy học. Các kỹ thuật là đơn vị nhỏ nhất của phương pháp dạy học. Có kỹ thuật dạy học chung, có kỹ thuật đặc thù của từng phương pháp.

8/ Chú trọng các phương pháp dạy học đặc thù bộ môn

Phương pháp có mối quan hệ biện chứng với nội dung dạy học. Bên cạnh phương pháp chung có thể sử dụng cho nhiều bộ môn thì việc dùng phương pháp dạy học đặc thù có vai trò quan trọng trong dạy bộ môn.

9/ Bồi dưỡng phương pháp học tập tích cực cho học sinh

Phương pháp học tập một cách tự lực đóng vai trò quan trọng trong việc tích cực hoá, phát huy tính sáng tạo của học sinh. Có những phương pháp nhận thức chung như thu thập, xử lý, đánh giá thông tin, tổ chức làm việc, làm việc nhóm. Bằng nhiều hình thức, cần luyện tập cho học sinh các phương pháp học tập chung và phương pháp học tập bộ môn.

***b) Hỗ trợ đồng nghiệp về phương pháp và chiến lược dạy học***

Giáo viên cốt cán có thể hỗ trợ đồng nghiệp về phương pháp và chiến lược dạy học thông qua các hoạt động như sau:

-Biên soạn tài liệu về phương pháp và chiến lược dạy học theo hướng thực hành để đảm bảo đồng nghiệp của mình có thể dễ dàng áp dụng;

-Dạy minh họa các hoạt động dạy học có áp dụng những phương pháp dạy học đem lại hiệu quả cho từng nội dung dạy học cụ thể;

-Cùng nghiên cứu đặc điểm học tập của học sinh để có những tham vấn phù hợp cho đồng nghiệp trong việc lựa chọn phương pháp và chiến lược dạy học;

-Nghiên cứu bài học với đồng nghiệp để xác định những phương pháp và chiến lược dạy học có thểáp dụng nhằm đem lại hiệu quả của việc giảng dạy;

-Viết sáng kiến kinh nghiệm hoặc nghiên cứu khoa học thực tiễn đểchia sẻnhững kinh nghiệm vềviệc vận dụng thành công phương pháp và chiến lượcdạy học.

*2.3.5 Hỗ trợ đồng nghiệp trong đánh giá kết quả dạy học và giáo dục*

Với những đổi mới trong đánh giá học sinh hiện nay, không ít giáo viên vẫn gặp những khó khăn trong quá trình đánh giá học sinh. Giáo viên cốt cán có thể hỗ trợ đồng nghiệp trong đánh giá học sinh của mình theo các cách sau:

- Hỗ trợ đồng nghiệp trong cách quan sát và đánh giá trực tiếp học sinh: vị trí quan sát học sinh, cách quan sát các biểu hiện hành vi của học sinh, cách nói lời nhận xét giúp học sinh tiến bộ, cách động viên khuyến khích học sinh, cách chỉ ra những lỗi sai của học sinh.

- Hỗ trợ đồng nghiệp trong cách thiết kế câu hỏi, nhiệm vụ, tình huống để đánh giá quá trình học tập và rèn luyện của học sinh: cách đặt câu hỏi chẩn đoán (câu hỏi kiểm tra kiến thức, hiểu biết và kinh nghiệm đã có của học sinh trước khi học hoặc thực hiện một nhiệm vụ nào đó), cách đặt câu hỏi quá trình (để kiểm tra mức độ hiểu biết, kĩ năng và thái độ của học sinh trong quá trình thực hiện nhiệm vụ), câu hỏi tổng hợp (để kiểm tra khái niệm hoặc nội dung kiến thức mới hoặc quy trình làm việc/thực hiện một hoạt động nào đó của học sinh), cách thiết kế các tình huống để đánh giá học sinh (tình huống gợi vấn đề, tình huống đối lập,…). Không những vậy, cần hỗ trợ đồng nghiệp của mình cần lưu tâm đến thời điểm, bối cảnh, trạng thái tâm lý của học sinh khi đưa ra câu hỏi, nhiệm vụ, tình huống để đảm bảo thực sự vì sự tiến bộ của học sinh. Qua đó vừa ghi nhận sự cố gắng, nỗ lực của học sinh, vừa đánh giá học sinh một cách khách quan, vừa tạo cho học sinh động cơ học tập và rèn luyện.

*2.3.6. Phát triển môi trường học tập của giáo viên và học sinh của giáo viên cốt cán.*

***a) Phát triển môi trường học tập của giáo viên***

Môi trường giáo dục nhà trường là tập hợp các yếu tố như yếu tố vật chất và yếu tố tâm lý, xã hội. Các yếu tố vật chất như sự sắp xếp, bố trí không gian trong trường học; các điều kiện về cơ sở vật chất, phương tiện hỗ trợ quá trình sư phạm. Trường học không chỉ có môi trường vật chất mà là một không gian tâm lý chất đầy vốn sống của giáo viên và học sinh, luôn có sự tương tác giao tiếp sư phạm.

Trong môi trường giáo dục ấy, không chỉ học sinh tiến bộ, trưởng thành và phát triển mà chính giáo viên, những người làm công tác giáo dục cũng phát triển năng lực nghề nghiệp, cả về chuyên môn và nghiệp vụ sư phạm.

Xây dựng môi trường giáo dục là trách nhiệm của chính mỗi thành viên trong nhà trường. Đối với đội ngũ giáo viên nói chung và giáo viên cốt cán nói riêng, cần chú trọng xây dựng môi trường giáo dục nhân văn, thân thiện, ở đó mỗi cá nhân thấy được tôn trọng, được sẻ chia. Cần thực hiện một số việc sau trong việc phát triển môi trường học tập của giáo viên:

- Xây dựng môi trường tâm lý, xã hội:

+ Thực hiện ứng xử văn hóa, văn minh nơi trường học và cộng đồng dân cư;

+ Tổ chức các hoạt động giáo dục kĩ năng hợp tác, giao tiếp, thích ứng xã hội cho giáo viên;

+ Tổ chức hội thảo, tọa đàm, chia sẻ để giáo viên hiểu, đồng cảm, động viên, khuyến khích và được làm việc trong môi trường nhân ái;

+ Đẩy mạnh vai trò của tổ chức, đoàn thể trong nhà trường, làm cầu nối để mỗi giáo viên đều quan tâm và được quan tâm, đều hiểu và biết chia sẻ những khó khăn và những niềm vui trong công việc, trong cuộc sống;

+ Xây dựng quy chế dân chủ và tự trọng trong trường học, tạo ra môi trường làm việc tự giác, tích cực;

+ Tiêu chí đánh giá giáo viên cần rõ ràng để mỗi giáo viên có động lực tiến bộ và được ghi nhận sự tiến bộ của tập thể.

- Xây dựng môi trường vật chất:

+ Tạo cảnh quan môi trường giáo dục xanh, sạch, đẹp để mỗi thành viên trong nhà trường đều có không gian thân thiện, gần gũi khi thực hiện nhiệm vụ của mình;

+ Hỗ trợ giáo viên về cơ sở vật chất trong giảng dạy, học tập, bồi dưỡng và nghiên cứu khoa học: thiết bị, đồ dùng dạy học, thiết bị thí nghiệm, tài liệu, học liệu, kho tư liệu, thư viện, phương tiện công nghệ;

+ Tổ chức câu lạc bộ học tập, nghiên cứu, câu lạc bộ văn hóa, văn nghệ, thể thao nhằm cải thiện đời sống tinh thần cho giáo viên và nhân viên trong trường.

***b) Phát triển môi trường học tập của học sinh***

Môi trường là toàn bộ các yếu tố tự nhiên và xã hội hiện hữu, bao xung quanh và có ảnh hưởng lớn lao đến đời sống con người. Môi trường giáo dục nhà trường là tập hợp các yếu tố về vật chất và tâm lý, xã hội có tác động trực tiếp đến hiệu quả và chất lượng quá trình dạy học và giáo dục nhằm hình thành và phát triển nhân cách cho người học. Thông qua môi trường nhà trường, mỗi học sinh được bồi dưỡng phẩm chất đạo đức, kiến thức khoa học, kỹ năng thực hành cần thiết để họ hoàn thiện bản thân và phù hợp với yêu cầu của xã hội. So với gia đình, nhà trường là môi trường rộng lớn hơn, phong phú và hấp dẫn hơn đối với thế hệ trẻ. Trong nhà trường, học sinh được giao lưu với thầy cô, bạn bè, được tham gia vào các hoạt động mang tính xã hội. Môi trường nhà trường có ảnh hưởng rất lớn đến nhận thức, tình cảm và hành vi của học sinh cũng như ảnh hưởng đến hiệu quả và chất lượng giáo dục.

Môi trường nhà trường là nơi diễn ra các hoạt động dạy học, giáo dục và hoạt động giao tiếp sư phạm giữa giáo viên và học sinh và giữa các học sinh với nhau. Môi trường nhà trường là điều kiện và chất xúc ảnh hưởng đến việc hình thành nhận thức, thái độ, tình cảm và hành vi của học sinh. Môi trường nhà trường thân thiện, lành mạnh với mối quan hệ sư phạm được xây dựng trên sự tôn trọng, hợp tác và thấu hiểu sẽ thúc đẩy các hành vi tích cực ở người học. Ngược lại, môi trường nhà trường thiếu tính thân thiện không những không giúp học sinh hình thành hành vi tích cực mà sẽ tạo điều kiện để học sinh bộc lộ những hành vi tiêu cực. Điều đó cho thấy trong các điều kiện và môi trường khác nhau sẽ hình thành những đặc điểm tâm lý khác nhau ở học sinh. Sự phát triển tâm lý và phát triển nhân cách của học sinh trong môi trường nhà trường không thể tách rời với quá trình giáo dục. Vì vậy để đi đến kết quả cuối cùng của giáo dục là giúp người học phát triển toàn diện đòi hỏi ba yếu tố: điều kiện môi trường nhà trường, hoạt động dạy học và giáo dục có sự tương tác chặt chẽ với nhau.

Ngoài những nhu cầu thuộc về sinh lý, an toàn thì con người còn có nhu cầu được công nhận được thuộc về một tổ chức nào đó; nhu cầu được kính trọng, yêu mến, tin tưởng và nhu cầu được tự khẳng định. Việc tạo nên bầu không khí dựa trên các giá trị trong xây dựng môi trường nhà trường là điều kiện tiên quyết để thúc đẩy hiệu quả giáo dục vì nó đáp ứng các nhu cầu quan trọng của học sinh. Môi trường giáo dục học sinh là môi trường mà ở đó học sinh được:

+ Được an toàn;

+ Được có giá trị;

+Được yêu thương;

+ Được hiểu;

+Được tôn trọng.

Môi trường nhà trường thân thiện trong đó các mối quan hệ của giáo viên và học sinh, học sinh với học sinh được dựa trên nền tảng của các giá trị như: tin tưởng,cởi mở, tôn trọng, đồng cảm, chia sẻ, không bạo lực, không có sự kì thị sẽ giúp người học có cơ hội phát huy tối đa tiềm năng của mình. Người học không còn có thái độ ngượng ngùng, khép mình, xấu hổ, mất tự tin, bất an, chán nản vì sự đe doạ, trừng phạt, phán xét. Một môi trường giáo dục lấy người học làm trung tâm, mà trong đó các mối quan hệ dựa trên lòng tin cậy và tôn trọng sẽ khơi dậy động cơ tốt đẹp, sự sáng tạo và tích cực và sự tập trung cao độ, tinh thần trách nhiệm với hoạt động học tập của người học. Ngoài ra, môi trường học đường thân thiện còn phát triển năng lực tự đánh giá một cách tích cực và tự điều chỉnh hành vi của mình trong quá trình học tập để hài hòa với các thành viên trong lớp.

Để có thể xây dựng môi trường nhà trường nhân văn và thân thiện, giáo viên cần có một số kỹ năng như: biết lắng nghe học sinh, có lời nói và cử chỉ thể hiện sự quan tâm, tôn trọng học sinh, biết chia sẻ và thấu cảm với những vấn đề học sinh đang gặp phải trong học tập và cuộc sống, công bằng với học sinh, không phân biệt đối xử, tạo điều kiện để học sinh được bộc lộ bản thân, biết cách khích lệ và động viên học sinh để họ biết vượt qua những trở ngại….

Khích lệ sự tham giacó trách nhiệm của học sinh vì sự phát triển của lớp học, trường học:

*i/Tăng cường sự tham gia của học sinh vào việc xây dựng văn hóa trường học, nội quy lớp học.*

Xây dựng nội quy lớp học là một cách giúp tăng hứng thú và thái độ nhiệt tình tham gia và tính tự chủ của người học. Thông thường, người học thực hiện các nội quy mà nhà trường và giáo viên đưa ra sẵn trước khi tham gia học tập. Vì vậy, để tạo lập môi trường nhà trường thân thiện, giáo viên nên để cho người học cùng được tham gia đóng góp ý kiến và xác lập những quy tắc ứng xử và nội quy lớp học. Tác dụng lớn của biện pháp này chính là giúp họ tự nhận thức, tự đánh giá bản thân và các bạn trong lớp để từ đó sẽ tuân thủ kỷ luật nghiêm túc hơn, có trách nhiệm hơn trong việc quản lý hành vi của mình, và khuyến khích những hành vi tích cực của bạn bè. Học sinh không cảm thấy những quy tắc đó là những yêu cầu bắt buộc từ bên ngoài màbản thân họ chính là một nhân tố quan trọng tạo nên kỷ luật của lớp học. Căn cứ trên nội quy của nhà trường, giáo viên chủ nhiệm lớp có thể cho học sinh có thể trao đổi, bày tỏ những mong muốn của mình về các nội dung như:

+ Môi trường lớp học và xây dựng mối quan hệ bạn bè thân thiện

+ Kì vọng đối với giáo viên.

+ Biện pháp xây dựng môi trường nhà trường lành mạnh.

+ Những điều học sinh và giáo viên nên làm và không nên làm

+ Hình thức khen thưởng và kỉ luật đối với các hành vi tích cực và tiêu cực

+ Phân công các cá nhân hoặc nhóm giám sát việc thực hiện nội quy

Ví dụ ngoài các nội quy nhà trường, một số kỷ luật mà học viên đưa ra trên cơ sở sự khuyến khích của giáo viên như: đi học đúng giờ, không nói chuyên riêng trong giờ học, tích cực học tập, tích cực hợp tác với các bạn trong lớp, không sử dụng điện thoại trong giờ học, không chế nhạo bạn học khi họ đưa ra các ý kiến khác biệt…..

*ii/ Tổ chức các hoạt động đa dạng để học sinh cùng tham gia nhằm nâng cao sự gắn kết với lớp học, trường học*

Sự gắn bó, hiểu biết, chia sẻ với nhau của các học sinh.được hình thành và phát triển thông qua các hoạt động chung. Giáo viên cần xác định các hoạt động giáo dục phù hợp với điều kiện hoàn cảnh của tập thể học sinh, đặc điểm tâm lý của học sinh để từ đó lên kế hoạch và xây dựng chương trình cho các hoạt động. Hoạt động này cần hướng tới mục đích chung vì sự phát triển của nhà trường, của lớp học. Nhà trường nên phát động các hoạt động như các cuộc thi tìm hiểu về nhà trường; thảo luận và chia sẻ về môi trường nhà trường mà học sinh mong đợi; xây dựng nhà trường xanh – sạch- đẹp… Để học sinh có ý thức trong việc xây dựng môi trường nhà trường thân thiện đòi hỏi giáo viên cần giao nhiệm vụ, khuyến khích sự phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo của học sinh.

**CÂU HỎI THẢO LUẬN, ÔN TẬP**

1. Nêu những tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng của giáo viên THCS hạng II?

2. Trình bày những tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ của giáo viên THCS hạng II?

3. Thảo luận về các tiêu chuẩn đối với giáo viên THCS hạng II: làm thế nào để đáp ứng được yêu cầu về các tiêu chuẩn nêu trên?

4. Đánh giá vai trò của đội ngũ giáo viên cốt cán cấp THCS?

5. Thảo luận về chiến lược phát triển đội ngũ giáo viên cốt cán cấp THCS, liên hệ thực tế bản thân?

**TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. Luật Viên chức.

2. Nghị định số 29/2012/NĐ-CP về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức.

3. Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04 tháng 11 năm 2013 Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế.

4. Nghị quyết số 44/NQ-CP ngày 09 ngày 6 tháng 2014 của Chính phủ Ban hành chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04 tháng 11 năm 2013 Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế.

5. Nghị quyết số 88/2014/QH13 của Quốc hội về đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông.

6. Dự thảo Đề án đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông.

7. Thông tư liên tịch số 22/2015/TTLT-BGDĐT-BNV quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên THCS.